

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 454/2018/DS-PT

Ngày: 08-5-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng hợp
tác đầu tư, dàn dựng, tổ chức
biểu diễn nghệ thuật*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ủ Thị Bạch Yến

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Công Toại

2. Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 tháng 4 và ngày 8 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 664/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017 về: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư, dàn dựng, tổ chức biểu diễn nghệ thuật*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1267/2017/DS-ST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 892/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc Tr (có mặt)

Địa chỉ: Số 346 đường BVD, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn S – Luật sư Công ty Luật TNHH PA thuộc Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Nhà hát TP

Địa chỉ: Số 30 đường THĐ, Phường PNL, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Quý B (có mặt)
(Giấy ủy quyền số 07/GUQ-NHKTP ngày 14/3/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hà H – Luật sư Văn phòng Luật sư Hà H và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Khánh H1 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 224E Cư xá ThĐ, Phường HB, quận BTh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Trần Quý B (có mặt)

Địa chỉ: Số 615 đường PTH, Phường O, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

3.3. Công ty TNHH Dịch vụ du lịch AD

Địa chỉ: 52 đường 7A cư xá BTh, Phường T, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Th – Giám đốc Công ty (có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Ngọc Tr là nguyên đơn; Nhà hát TP là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm đã thể hiện:

Trong đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc Tr trình bày:

Đầu tháng 3/2014, Bà và Nhà hát TP (sau đây viết tắt là Nhà hát) đã thỏa thuận hợp tác dàn dựng, tổ chức biểu diễn các chương trình nghệ thuật theo phương thức xã hội hóa vào các tối thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật hàng tuần tại Rạp CN, số 30 đường THĐ, Phường PNL, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận này, bà chịu trách nhiệm đầu tư 100% kinh phí thực hiện chương trình bao gồm: Tác giả, đạo diễn, trang trí, âm nhạc, biên đạo, phục trang, đạo cụ...và thanh toán cho Nhà hát chi phí điện máy lạnh, khấu hao, âm thanh, ánh sáng và cơ sở vật chất là 4.000.000 đồng/suất diễn; các vở diễn sẽ có tiêu đề “Nhà hát TP và Nhóm kịch Ngọc Tr hợp tác thực hiện”; tổng doanh thu mỗi suất diễn của từng chương trình sau khi trừ đi toàn bộ các khoản chi phí nếu có lãi sẽ được chia cho Bà 80%, Nhà hát 20%, khi Bà hoàn được vốn đầu tư thì mỗi bên được chia 50%. Ngoài ra, theo đề nghị của ông Trần Khánh H1 – Giám đốc Nhà hát, ngày 11/4/2014, Bà đã ký với Nhà hát Hợp đồng làm việc xác định thời hạn số 27/HĐLV có nội dung chính là Bà đảm nhận nhiệm vụ phụ trách diễn viên, đảm bảo lịch tập và biểu diễn, giới thiệu, quảng bá, ký kết chương trình biểu diễn, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/5/2014 đến ngày 30/4/2015.

Thực hiện thỏa thuận, Bà đã đầu tư, dàn dựng và tổ chức biểu diễn tại Rạp Công nhân 06 vở kịch, gồm: “Chỉ có thể là yêu”, “Kẻ nói dối đa tình”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A..ma...ma”, “Mất âm dương”, “49 ngày yêu” với suất diễn đầu tiên vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 10/4/2014, sau khi hai bên tổ chức họp báo

công bố sự hợp tác vào lúc 19 giờ 00 phút cùng ngày. Ngoài vở kịch “Kẻ nói dối đa tình” là vở diễn cũ, chỉ đầu tư cảnh trí, phục trang thì các vở kịch còn lại, Bà đã đầu tư toàn bộ kinh phí thực hiện.

Quá trình hợp tác, Bà nhiều lần nhắc Nhà hát ký thỏa thuận bằng văn bản. Ông Trần Khánh H1 và sau đó là ông Trần Quý B (Phó Giám đốc, điều hành hoạt động của Nhà hát trong thời gian ông Khánh H1 nghỉ việc vì lý do sức khỏe và giải quyết việc riêng) lần lượt đưa cho Bà Bản thỏa thuận hợp tác theo phương thức xã hội hóa nhưng Bà không đồng ý ký vì Nhà hát đã tự bổ sung một số nội dung không đúng với thỏa thuận về thời gian tổ chức biểu diễn, về hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư, phục trang và về tỷ lệ phân chia lợi nhuận.

Giữa Bà và Nhà hát cũng phát sinh bất đồng về việc bán vé và mức thuế phải nộp. Để giải quyết, hai bên đã tổ chức họp vào ngày 01/11/2014, đại diện Nhà hát là ông Quý B, đi cùng Bà là ông Nguyễn Ngọc Hùng. Tại buổi họp này, ông Quý B đã tuyên bố chấm dứt hợp tác giữa hai bên, tuyên bố bằng lời nói được ghi nhận tại văn bản do bà Nguyễn Thị Kim Tuyền lập và sau đó ông B xác nhận trên văn bản.

Do Nhà hát đơn phương chấm dứt hợp tác, Bà phải hoàn trả toàn bộ tiền bán vé, xin lỗi khán giả cũng như ê kíp diễn viên của vở diễn.

Nay, Bà yêu cầu Nhà hát phải thanh toán toàn bộ chi phí đầu tư cho 06 vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Kẻ nói dối đa tình”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A...ma...ma”, “Mất âm dương”, “49 ngày yêu” là 430.259.568 đồng.

Đối với chi phí bù lỗ tiền diễn viên biểu diễn đến ngày 26/10/2014 là 96.038.000 đồng và chi phí đầu tư kịch bản Tết 2015 vở “Thuật hồi sinh” là 20.000.000 đồng, bà tự nguyện rút lại, không yêu cầu Nhà hát thanh toán.

Bà xác nhận:

- Để tách bạch vai trò vừa là đối tác vừa là người lao động của Nhà hát, ngày 10/9/2014, Bà đã nộp đơn xin nghỉ việc.

- Ngày 08/6/2015, Bà đã nhận lại cảnh trí của 06 vở diễn nêu trên.

Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 20/7/2015, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là Nhà hát TP trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc Tr từng là nhân viên của Nhà hát theo Hợp đồng làm việc xác định thời hạn ký ngày 11/4/2014. Trong thời gian làm việc tại Nhà hát, bà Tr và Nhà hát có thỏa thuận hợp tác theo phương thức xã hội hóa với nội dung như bà Tr trình bày. Tuy chưa chính thức ký kết do bà Tr nhiều lần yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung về thời hạn không chia và tỷ lệ chia lợi nhuận, nhưng hai bên đã thực hiện hợp tác từ ngày 10/4/2014. Bà Tr đã tổ chức biểu diễn 6 vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Kẻ nói dối đa tình”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A...ma...ma”, “Mất âm dương”, “49 ngày yêu”, trong đó vở “Kẻ nói dối đa tình” là vở diễn cũ, đã được bà Tr dàn dựng từ trước, 05 vở diễn còn lại bà Tr đầu tư toàn bộ kinh phí.

Thực tế, các suất diễn của 6 vở kịch trên không thu hút khán giả, doanh thu kém. Do nhiều yêu cầu đưa ra không được Nhà hát chấp nhận, bà Tr đã nộp đơn xin nghỉ việc. Trong cuộc họp diễn ra ngày 01/11/2014, bà Tr chính thức dừng biểu diễn tại Nhà hát. Ngày 08/6/2015, bà Tr nhận lại toàn bộ cảnh trí của 06 vở diễn.

Nay, Nhà hát không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tr, do:

- Nhà hát và bà Tr chưa ký hợp đồng bằng văn bản như quy định tại Chuẩn mực số 07 và Chuẩn mực số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ – BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 06 chuẩn mực kế toán Việt Nam nên chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

- Các khoản bà Tr đã đầu tư có những khoản không thuộc trách nhiệm của Nhà hát như tiền cúng võ, tiền cơm, tiền bù lỗ diễn viên hoặc không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ nên dù theo cách tính của bà Tr thì tổng chi phí cũng chỉ là 297.282.790 đồng.

- 05 vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A...ma...ma”, “Mất âm dương”, “49 ngày yêu” thuộc sở hữu của bà Tr, Nhà hát chỉ thay bà Tr đứng tên Giấy phép tổ chức biểu diễn.

Nhà hát xác nhận:

- Theo tập quán của nghề sân khấu thì mỗi vở diễn đều có cúng tổ nghề.

- Trong trường hợp các bên ký kết các Bản thỏa thuận hợp tác theo phương thức xã hội hóa mà ông Khánh H1 và ông Quý B đưa cho bà Tr thì thời điểm hợp tác của hai bên vẫn được tính từ ngày 10/4/2014.

- Các Biên bản họp ngày 31/10/2014, ngày 01/11/2014 được ghi nhận đúng nội dung các cuộc họp đã diễn ra tại Nhà hát.

Nhà hát tự nguyện:

- Cho bà Tr được tổ chức 01 suất tổ chức biểu diễn kịch nói miễn phí (điện, máy lạnh, khấu hao, âm thanh, ánh sáng và cơ sở vật chất) vào ngày cuối mỗi tuần, liên tục trong 01 năm với tổng cộng 52 suất diễn. Trường hợp tổng số tiền miễn phí của 52 suất diễn (52 suất x 4.000.000 đồng/suất) chưa đủ chi phí đầu tư thì Nhà hát tự nguyện tăng thêm suất diễn miễn phí cho đến khi đủ chi phí đầu tư.

- Tự nguyện chịu và không yêu cầu bà Tr hoàn trả lệ phí xin cấp Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A...ma...ma”, “Mất âm dương”, “49 ngày yêu”. Trường hợp bà Tr yêu cầu, Nhà hát có trách nhiệm làm thủ tục chuyển cho tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đứng tên trên Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của các vở kịch nêu trên.

Tại bản khai trình đề ngày 07 tháng 11 năm 2015 và đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Dịch vụ du lịch AD có người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Thu trình bày:

Trong năm 2014, Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch AD có nhận thi công hạng mục thiết kế và may trang phục biểu diễn cho Nhà hát. Khi nhận nhiều đơn hàng vào cùng thời điểm, nhân viên của Công ty chỉ ghi chú vào sổ tên khách hàng, số lượng, quy cách, ngày giao, sau đó đặt may tại cơ sở may mặc tư nhân, khi hoàn tất sẽ xuất hóa đơn và giao cho Nhà hát. Tuy nhiên, cũng có vài lần, Nhà hát đặt may ở nơi khác mà không có hóa đơn nên nhờ Công ty xuất hộ hóa đơn và làm thủ tục thanh toán trả lại 10% thuế VAT. Công ty xác nhận có ký hợp đồng, xuất hóa đơn thanh toán cho các vở kịch “Kẻ nói dối đa tình”, “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A Ma Ma”. Công ty yêu cầu được vắng mặt khi Tòa tiến hành các hoạt động tố tụng và khi xét xử.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Khánh H1 trình bày:

Ông nguyên là Giám đốc Nhà hát. Ông xác nhận nội dung trình bày của bà Tr và Nhà hát về việc hợp tác đầu tư, dàn dựng, tổ chức biểu diễn nghệ thuật là đúng. Ngoài quan hệ hợp tác, để bà Tr gắn bó với Nhà hát, theo đề nghị của Ông, bà Tr và Nhà hát đã ký Hợp đồng làm việc xác định thời hạn số 27/HĐLV ngày 11/4/2014. Khoảng tháng 10/2014, do sức khỏe và có việc riêng cần giải quyết, Ông tạm nghỉ việc, giao ông Trần Quý B điều hành và có trách nhiệm báo cáo Ông các hoạt động của Nhà hát. Bản thỏa thuận hợp tác theo phương thức xã hội hóa mà bà Tr giao nộp cho Tòa án, trong đó ghi tên ông là người đại diện cho Nhà hát là do phía Nhà hát soạn thảo trên cơ sở quy định mẫu về hợp tác theo phương thức xã hội hóa, so với thỏa thuận ban đầu thì có thay đổi về thời gian tổ chức biểu diễn. Ông đồng ý với ý kiến trình bày và đề nghị của Nhà hát.

Ông xác nhận:

- Ông đã đại diện Nhà hát ký với Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch AD các hợp đồng may đo phục trang các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Kẻ nói dối đa tình”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A Ma Ma” và tự lập bảng kê thanh toán tiền bồi dưỡng diễn viên tập của các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Kẻ nói dối đa tình” để làm thủ tục rút tiền từ dự toán ngân sách nhà nước cho Nhà hát sử dụng vào mục đích khác. Đây là việc làm không đúng, đã được xử lý theo quy định.

- Ông đã được ông Quý B thông báo về sự việc diễn ra trong ngày 01/11/2014.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quý B trình bày:

Ông là Phó Giám đốc Nhà hát. Ông xác nhận nội dung trình bày của ông H1 về việc giao ông điều hành hoạt động của Nhà hát là đúng. Bản thỏa thuận hợp tác theo phương thức xã hội hóa mà bà Tr giao nộp cho Tòa án, trong đó ghi tên Ông là người đại diện cho Nhà hát là do phía Nhà hát soạn thảo rồi đưa bà Tr. Thời điểm đó, nhận thấy phía đối tác gặp khó khăn về kinh tế nên Nhà hát đã

chủ động bổ sung vào bản thỏa thuận nội dung Nhà hát hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư, phục trang nhưng bà Tr không đồng ý. Quá trình hợp tác, hai bên có bất đồng về việc bán vé, tỷ lệ nộp thuế. Tại cuộc họp ngày 01/11/2014, Ông không tuyên bố chấm dứt mà chỉ đưa ra đề nghị dừng hợp tác. Tuy nhiên, do bà Tr gây sức ép nên Ông đã ghi ý kiến, ký tên và đóng dấu Nhà hát vào Biên bản xác nhận do bà Tr lập ngày 01/11/2014, trong đó có nội dung ông đã quyết định chấm dứt hợp tác với bà Tr. Việc đóng dấu Nhà hát chỉ nhằm xác nhận chữ viết và chữ ký của Ông. Ông thừa nhận nội dung và chữ ký tại các Biên bản họp do Nhà hát xuất trình gồm Biên bản họp ngày 31/10/2014, Biên bản họp ngày 01/11/2014 và văn bản đề ngày 01/11/2014 do bà Tr giao nộp là đúng. Ông xác định việc ký Thông báo số 81/NHKTP ngày 20/10/2014, duyệt đồng ý đơn xin nghỉ việc và ký Quyết định số 45/QĐ – NHKTP ngày 03/11/2014 chấp thuận cho bà Tr thôi việc là đúng pháp luật. Ông thống nhất với ý kiến trình bày và đề nghị của Nhà hát.

Những người làm chứng gồm có:

- Ông Nguyễn Ngọc K1 trình bày:

Ông là người giúp nguyên đơn quản lý diễn viên. Nguyên đơn đã đầu tư kinh phí cho các vở kịch hợp tác với bị đơn, trả lương cho diễn viên, bù lỗ các đêm diễn. Ông xác nhận có tham dự buổi họp giữa hai bên diễn ra vào ngày 01/11/2014, tại buổi họp này ông Quý B đã đơn phương chấm dứt hợp tác với nguyên đơn một cách vô lý.

- Ông Nguyễn Văn K2 trình bày:

Năm 2014, Ông nhận thiết kế sân khấu cho vở kịch “Mất âm dương” tại Rạp Công nhân theo đề nghị của nguyên đơn với tổng chi phí là 10.686.000 đồng. Do vật tư Ông mua của Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi Thuận Phát nên Ông đã giao cho nguyên đơn hóa đơn giá trị gia tăng số 0000850 ngày 08/8/2014.

- Bà Nguyễn Thị Hồng K3 trình bày:

Bà đã đạo diễn vở kịch “A ma ma”, tham gia diễn xuất trong các vở kịch “Mất âm dương”, “49 ngày yêu”, “Chỉ có thể là yêu”. Bà đã nhận đủ thù lao đạo diễn, diễn viên. Bà có nhận 15.000.000 đồng do nguyên đơn chuyển qua tài khoản, gồm 12.000.000 đồng là tiền kịch bản và 3.000.000 đồng là tiền chuyển dùm cho người chọn nhạc.

- Ông Lâm Kiên K4 trình bày:

Ông cộng tác với nguyên đơn trong 03 vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Mất âm dương” với thù lao đã nhận đủ là 4.000.000 đồng/ 01 vở.

- Ông Nguyễn Huy K5 trình bày:

Khoảng tháng 6 và tháng 7/2014, Ông có nhận may trang phục cho sân khấu kịch của nguyên đơn. Ông đã được nguyên đơn thanh toán đầy đủ, bằng chuyển khoản. Cụ thể: Vở diễn “A ma ma” nhận 400.000 đồng vào ngày

08/7/2014, 1.100.000 đồng vào ngày 14/7/2014; vở diễn “Mắt âm dương”, nhận 2.100.000 đồng vào ngày 12/8/2014.

- Ông Nguyễn Hữu K6 trình bày:

Ông hợp tác với nguyên đơn, sáng tác ca khúc và chọn nhạc cho vở kịch “49 ngày yêu”. Ông đã nhận đủ thù lao là 28.000.000 đồng, đợt đầu nhận 10.000.000 đồng, đợt còn lại nhận 18.000.000 đồng.

- Ông Võ Văn K7 trình bày:

Ông đã được nguyên đơn thanh toán tiền đạo cụ của các vở kịch “Chỉ có thể là yêu” là 1.515.000 đồng, “Cặp đôi hoàn cảnh” là 1.562.000 đồng, “A ma ma” là 1.104.000 đồng, “Mắt âm dương” là 1.317.000 đồng, “49 ngày yêu” là 1.943.000 đồng.

- Ông Bùi Quốc K8 trình bày:

Ông là tác giả kịch bản của các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Mắt âm dương”, “49 ngày yêu”, “Thuật hồi sinh”, đồng thời là đạo diễn của các vở “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Mắt âm dương”. Ông đã được nguyên đơn thanh toán tiền tác giả kịch bản, mỗi vở là 20.000.000 đồng, thù lao đạo diễn 1.000.000 đồng/01 xuất diễn.

- Ông Huỳnh Văn K9 trình bày:

Ông nhận chụp hình, quay phim cho các vở kịch do nguyên đơn dàn dựng tại Nhà hát. Ông đã được nguyên đơn thanh toán đủ thù lao. Cụ thể: Ngày 12/4/2014 nhận 7.313.988 đồng của vở diễn “Kẻ nói dối đa tình”; ngày 15/4/2014 nhận 4.340.000 đồng của vở diễn “Chỉ có thể là yêu”; ngày 20/5/2014 nhận 6.775.780 đồng của vở diễn “Cặp đôi hoàn cảnh”; ngày 06/8/2014 nhận 4.260.000 đồng của vở diễn “A ma ma”; ngày 07/8/2014 nhận 4.306.500 đồng của vở diễn “Mắt âm dương”; ngày 08/10/2014 nhận 6.601.200 đồng của vở diễn “49 ngày yêu”.

- Ông Trần Đức K10 trình bày:

Nguyên đơn có nhờ Ông thực hiện cảnh trí, hộp đèn quảng cáo tại sảnh Nhà hát và đã thanh toán đủ tiền. Cụ thể: Cảnh trí vở “Kẻ nói dối đa tình” là 15.400.000 đồng; hộp đèn quảng cáo là 7.260.000 đồng; bảng quảng cáo lịch diễn là 8.880.000 đồng; khung sắt quảng cáo là 500.000 đồng. Các khoản tiền trên đều có hóa đơn chứng từ.

- Ông Đinh Nguyên K11 trình bày:

Ông đã được nguyên đơn thanh toán thù lao thiết kế quảng cáo cho vở diễn “Mắt âm dương” là 1.250.000 đồng và “49 ngày yêu” là 1.400.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thụy Thái K12 trình bày:

Bà là trợ lý và chỉnh nhạc trong các vở diễn “Kẻ nói dối đa tình”, “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Mắt âm dương”, “A ma ma” của nghệ sĩ Ngọc Tr. Bà đã được nguyên đơn thanh toán thù lao trợ lý 2.000.000 đồng/01 vở diễn, thù lao chỉnh nhạc 150.000 đồng/01 xuất diễn.

- Ông Phạm Gia K13 trình bày:

Ông đã được nguyên đơn thanh toán tiền thiết kế áp phích quảng cáo cho các vở kịch “Kẻ nói dối đa tình”, “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A ma ma” với thù lao 1.000.000 đồng/01 áp phích.

- Ông Nguyễn Hoàng K14 trình bày:

Ông đã được nguyên đơn thanh toán tiền thù lao nhắc thoại của vở kịch “Kẻ nói dối đa tình” là 1.500.000 đồng và thù lao diễn viên trong các vở kịch đã tham gia.

- Ông Trần Anh K15 trình bày:

Ông có hợp tác với nguyên đơn đảm nhận vai trò trợ lý đạo diễn và nhắc tuồng trong vở “Chỉ có thể là yêu”. Ông đã nhận tiền thù lao là 2.000.000 đồng.

- Bà Võ Thùy Như K16 trình bày:

Tiền trang phục của các vở diễn “Kẻ nói dối đa tình”, “A ma ma”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Chỉ có thể là yêu” mà Nhà hát ký hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch AD và tiền bồi dưỡng diễn viên tập của các vở “Kẻ nói dối đa tình”, “Chỉ có thể là yêu” được dùng để chi trả cho các khoản khác của Nhà hát. Do chi không đúng nên vào tháng 6/2015, Nhà hát đã nộp trả lại ngân sách nhà nước các khoản tiền trên. Trong quá trình hợp tác với nguyên đơn, do chưa thống nhất các nội dung và trách nhiệm hai bên nên hợp đồng chưa được ký kết.

- Bà Nguyễn Thị Kim K17 trình bày:

Với vai trò là thư ký ghi biên bản, Bà đã ghi nhận trung thực diễn biến các cuộc họp diễn ra tại Nhà hát vào các ngày 31/10/2014 và 01/11/2014, như nội dung các biên bản họp mà bị đơn và nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án.

- Các ông bà Phạm Trường K18, Nguyễn Thị Diễm K19, Nguyễn Thị Kiều K20, Hứa Quang K21, Nguyễn Hữu K22, Lê Nguyên K23, Nguyễn Hoàng K24, Trà Thị Kim K25, Nguyễn Anh K26, Mai Thế K27 thống nhất xác nhận khi tham gia biểu diễn trong các vở kịch do nguyên đơn đầu tư, dàn dựng, tổ chức biểu diễn tại Rạp CN, các Ông Bà đã được nguyên đơn thanh toán đủ thù lao diễn viên.

Tại văn bản số 519/KBQ1 – KTNN ngày 01/12/2015, Kho bạc Nhà nước Quận 1 xác nhận:

Từ ngày 29/4/2014 đến ngày 25/7/2014, Kho bạc Nhà nước Quận 1 đã chuyển cho Nhà hát các khoản tiền sau:

- Ngày 29/4/2014, chuyển thanh toán tiền bồi dưỡng diễn viên tập của chương trình “Chỉ có thể là yêu” là 5.700.000 đồng và chương trình “Kẻ nói dối đa tình” là 4.200.000 đồng;

- Ngày 20/5/2015, chuyển thanh toán tiền may trang phục vở diễn “Kẻ nói dối đa tình” cho Công ty TNHH DV Du lịch AD qua tài khóa 63361219 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Lạc Long Quân là 17.600.000 đồng;

- Ngày 12/6/2014, chuyển thanh toán tiền may trang phục vở diễn “Cặp đôi hoàn cảnh” cho Công ty TNHH DV Du lịch AD qua tài khoản 63361219 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Lạc Long Quân là 18.370.000 đồng;

- Ngày 25/7/2014, chuyển thanh toán may trang phục vở diễn “A ma ma” cho Công ty TNHH DV Du lịch AD qua tài khoản 63361219 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Lạc Long Quân là 16.830.000 đồng.

Đến nay, không phát sinh chứng từ hoàn trả các nội dung trên.

Tại văn bản số 252/SVHTT – TTS ngày 19/01/2016, Sở Văn hóa và Thể thao có ý kiến:

Xã hội hóa hoạt động văn hóa hướng vào thu hút toàn bộ xã hội, các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động sáng tạo, cung cấp và phổ biến văn hóa, tạo điều kiện cho hoạt động văn hóa phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, nâng cao dần mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa.

Nhà hát là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, có chức năng xây dựng các tiết mục và tổ chức biểu diễn sân khấu, đáp ứng nhu cầu kịch nói của nhân dân Thành phố và giao lưu với nước ngoài.

Do vậy, Nhà hát có quyền hợp tác xã hội hóa về tổ chức biểu diễn nghệ thuật với các tổ chức, cá nhân theo đúng chức năng, nhiệm vụ trên nguyên tắc thỏa thuận giữa các bên theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 1267/2017/DS-ST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên như sau:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc Tr về việc yêu cầu Nhà hát TP thanh toán chi phí bù lỗ tiền diễn viên biểu diễn là 96.038.000 đồng và chi phí đầu tư kịch bản Tết 2015, vở kịch “Thuật hồi sinh” là 20.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc Tr:

Buộc Nhà hát TP thanh toán cho bà Phạm Thị Ngọc Tr một phần chi phí đầu tư cho các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Kẻ nói dối đa tình”, “A Ma Ma”, “Mất âm dương”, “49 ngày yêu”, tổng cộng là 233.951.568 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc Tr về việc yêu cầu Nhà hát TP thanh toán phần chi phí đầu tư cho các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Kẻ nói dối đa tình”, “A Ma Ma”, “Mất âm dương”, “49 ngày yêu”, tổng cộng là 196.308.000 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Nhà hát TP:

- Tự nguyện chịu và không yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc Tr hoàn trả lệ phí cấp Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A...ma...ma”, “Mất âm dương”,

“49 ngày yêu”. Trường hợp bà Tr có yêu cầu thì Nhà hát TP có trách nhiệm làm thủ tục chuyển cho cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đứng tên trên Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của các vở kịch trên.

- Miễn phí cho bà Phạm Thị Ngọc Tr mỗi tuần 01 suất tổ chức biểu diễn kịch nói vào ngày cuối tuần tại Rạp CN, liên tục trong 01 năm, tổng cộng 52 suất; trường hợp tổng số tiền miễn phí của 52 suất diễn (52 suất x 4.000.000 đồng/suất) chưa đủ chi phí mà bà Tr đã đầu tư thì tự nguyện tăng thêm suất diễn miễn phí cho đến khi đủ chi phí đầu tư. Việc thực hiện cụ thể sẽ do các đương sự tự thỏa thuận sau.

Ngoài ra, còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 20/7/2017, Nhà hát TP kháng cáo.

Ngày 26/7/2017, bà Phạm Thị Ngọc Tr kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và nguyên đơn cùng thống nhất là rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về số tiền 196.308.000 đồng không được chấp nhận. Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo là không đồng ý với việc bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện miễn phí của Nhà hát cho nguyên đơn được diễn 52 suất tại nhà hát, yêu cầu được hủy bỏ việc ghi nhận này vì nguyên đơn không chấp nhận sẽ tiếp tục diễn tại Nhà hát TP nữa.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và bị đơn cùng thống nhất là kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần tuyên buộc Nhà hát TP phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 233.951.568 đồng với lý do bị đơn không có lỗi trong việc chấm dứt hợp đồng hợp tác này. Bị đơn đề nghị để hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc phải bỏ ra chi phí đầu tư cho các vở diễn thì bị đơn chấp nhận cho nguyên đơn biểu diễn miễn phí 52 suất tại nhà hát của bị đơn, trong trường hợp vẫn chưa đủ chi phí mà nguyên đơn đã đầu tư thì sẽ tăng thêm suất diễn cho đến khi đủ chi phí đầu tư.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn theo hướng sửa bản án sơ thẩm là hủy bỏ sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ miễn phí 52 suất diễn cho nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Nhà hát TP và bà Phạm Thị Ngọc Tr còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là 196.308.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này theo quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn kháng cáo đối với một phần của bản án sơ thẩm về việc ghi nhận sự tự nguyện của Nhà hát TP về việc miễn phí 52 suất diễn cho nguyên đơn, nguyên đơn không đồng ý với việc tự nguyện này của Nhà hát TP và yêu cầu hủy bỏ việc ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày về việc miễn phí này nhằm bù đắp một phần chi phí cho nguyên đơn đã bỏ ra trong thời gian hai bên hợp tác vì Nhà hát không có lỗi trong việc hợp tác này và cũng không có kinh phí để thanh toán cho nguyên đơn theo án sơ thẩm đã tuyên. Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến này của bị đơn và cho rằng không thể tiếp tục diễn tại Nhà hát TP nữa khi cả hai đã có những điểm bất đồng trong thời gian qua. Xét thấy, để có thể thực hiện sự tự nguyện của Nhà hát TP như án sơ thẩm đã tuyên thì phải có sự thỏa thuận và đồng ý của các bên nhưng nguyên đơn đã không chấp nhận việc tự nguyện này của bị đơn, đồng thời bị đơn tự nguyện miễn phí cho 52 suất diễn là để không phải trả lại kinh phí mà nguyên đơn đã bỏ ra để đầu tư. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hủy bỏ sự tự nguyện này của bị đơn trong phần quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp .

[4] Bị đơn kháng cáo không đồng ý thanh toán số tiền 233.951.568 đồng cho nguyên đơn theo án sơ thẩm đã tuyên với lý do vì Nhà hát không có lỗi trong việc hợp tác này và chỉ đồng ý miễn phí 52 suất diễn cho nguyên đơn, trong trường hợp vẫn chưa đủ chi phí mà nguyên đơn đã đầu tư thì sẽ tăng thêm suất diễn cho đến khi đủ chi phí đầu tư.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo nêu trên của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận giữa ông Trần Khánh H1, tư cách là Giám đốc Nhà hát với bà Phạm Thị Ngọc Tr vào tháng 3/2014 về việc hợp tác đầu tư, dàn dựng, tổ chức biểu diễn kịch nói tại Rạp Công nhân thuộc trụ sở của bị đơn, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/5/2014 đến ngày 30/4/2015. Mặc dù các bên thỏa thuận bằng lời nói chưa ký kết bằng văn bản nhưng các bên đã thực hiện việc thỏa thuận này cụ thể nguyên đơn đã tổ chức biểu diễn các vở kịch nêu trên với 55 suất diễn. Căn cứ Điều 388; Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Hợp đồng dân sự có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định...Hợp đồng không bị vô hiệu trong trường hợp có vi phạm về hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Theo quy định nêu trên thì có đủ cơ sở xác định giữa hai bên đã xác lập hợp đồng hợp tác đầu tư, dàn dựng, tổ chức biểu diễn nghệ thuật phù hợp với quy định của pháp luật .

[6] Căn cứ khoản 5 Điều 4 Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà hát TP (ban hành kèm theo Quyết định số 1228/2009/QĐ-VHTTDL ngày 28/12/2009

của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Nhà hát có nhiệm vụ “*đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa bằng các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác đầu tư dàn dựng vở diễn và phân chia theo đúng định hướng...*”. Tại Văn bản số 252/SVHTT-TTS ngày 19/01/2016, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định Nhà hát hợp tác theo phương thức xã hội hóa về tổ chức biểu diễn nghệ thuật với các tổ chức, cá nhân là thực hiện theo Nghị quyết số 90/CP ngày 21/8/1997, Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999, Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 và Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ và đúng với chức năng, nhiệm vụ của Nhà hát TP. Như vậy, việc bị đơn giao kết hợp đồng hợp tác đầu tư, dàn dựng, tổ chức biểu diễn nghệ thuật với nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

[7] Án sơ thẩm căn cứ lời trình bày của các đương sự, đối chiếu nội dung của các bản thỏa thuận có trong hồ sơ cùng với quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà hát TP để xác định hợp đồng hợp tác đầu tư, dàn dựng, tổ chức biểu diễn nghệ thuật giữa bà Phạm Thị Ngọc Tr và Nhà hát TP không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự nên hợp đồng hợp tác đầu tư, dàn dựng, tổ chức biểu diễn nghệ thuật giữa các đương sự có hiệu lực là hoàn toàn có căn cứ.

[8] Bị đơn kháng cáo cho rằng không có lỗi trong việc hợp đồng bị chấm dứt là không đúng bởi lẽ tại Biên bản họp ngày 01/11/2014 do bị đơn giao nộp ghi nhận ý kiến của ông Quý B: “*Ô. B: Tất cả mọi thứ trên tinh thần trao đổi giữa lãnh đạo với nhau thì hôm nay trao đổi với Tr, dừng lại hợp tác này*”. Biên bản xác nhận ngày 01/11/2014 thể hiện do ông Quý B chấm dứt hợp tác nên nguyên đơn phải trả toàn bộ vé, xin lỗi diễn viên; phần cuối biên bản này ông B đã viết, ký tên, đóng dấu Nhà hát, xác nhận “*Vì không thống nhất trong hợp tác khai thác hoạt động (chưa chính thức ký hợp đồng)*”. Tại Văn bản đề ngày 01/11/2014 do nguyên đơn giao nộp ghi nhận ý kiến của ông B: “*Ngoài những ý kiến đã trao thể hiện vào cuộc họp lúc 15h về phía lãnh đạo nhà hát đã trao đổi với bà Tr: với tình hình này chấm dứt hợp tác này vì cho đến thời điểm nay hai bên chưa chính thức ký hợp đồng*”. Các nội dung trên phù hợp với lời khai của nguyên đơn và người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc Hùng về việc trong cuộc họp vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 01/11/2014, ông B đã đại diện Nhà hát quyết định đơn phương chấm dứt hợp tác với nguyên đơn.

[9] Theo quy định tại khoản 1 Điều 426 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì “*Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng nếu các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Trong việc hợp tác này các bên không có thỏa thuận việc đơn phương chấm dứt nhưng bị đơn tự đề nghị chấm dứt hợp tác trong khi đó thời gian hợp tác như các bên thỏa thuận chưa chấm dứt đã làm cho nguyên đơn bị thiệt hại khi đã bỏ ra các chi phí đầu tư cho việc hợp tác này.

[10] Án sơ thẩm đã nhận định: Bị đơn có lỗi khi đơn phương chấm dứt hợp đồng. Do hợp đồng bị đơn phương chấm dứt nên nguyên đơn không thể tiếp tục tổ chức biểu diễn các vở kịch đã đầu tư, dàn dựng. Căn cứ thỏa thuận giữa

hai bên và quy định tại khoản 4 Điều 426 Bộ luật Dân sự năm 2005, bị đơn phải bồi thường thiệt hại, thanh toán mọi chi phí đầu tư cho nguyên đơn. Các khoản chi phí này là cần thiết, hợp lý, cụ thể, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ được bên cung cấp xác nhận. Từ đó, án sơ thẩm đã chấp nhận một phần các khoản đầu tư của nguyên đơn là hoàn toàn hợp lý, các khoản đầu tư cho từng vở kịch như sau:

- Vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, chấp nhận các khoản chi: thiết kế sân khấu, chọn nhạc, con dấu, in tờ rơi, đạo cụ, thiết kế poster, quay phim, chụp hình, pano; tổng cộng là 39.932.600 đồng;

- Vở kịch “Cặp đôi hoàn cảnh”, chấp nhận các khoản chi: thiết kế cảnh trí, quay phi, chụp hình, pano, in tờ rơi, trợ lý đạo diễn, chọn nhạc, thiết kế poster, đạo cụ, decal quảng cáo lịch diễn, bảng quảng cáo; tổng cộng là 38.212.280 đồng;

- Vở kịch “49 ngày yêu”, chấp nhận các khoản chi: nhạc sĩ, ca sĩ, trợ lý đạo diễn, đạo cụ, cắt mica, thiết kế poster, quay phim, chụp hình, in tờ rơi, pano, thực hiện cảnh trí, họa sĩ; tổng cộng là 62.841.700 đồng;

- Vở kịch “Mắt âm dương”, chấp nhận các khoản chi: trợ lý đạo diễn, chọn nhạc, quay phim, chụp hình, tờ rơi, pano, thiết kế poster, đạo cụ, thiết kế cảnh trí, phục trang (2.100.000 đồng của ông Nguyễn Huy Vũ); tổng cộng là 25.713.500 đồng;

- Vở kịch “A ma ma”, chấp nhận các khoản chi: chọn nhạc, khung sắt quảng cáo, thiết kế cảnh trí, quay phim, chụp hình, in tờ rơi, trợ lý đạo diễn, phục trang (1.500.000 đồng của ông Nguyễn Huy Vũ); tổng cộng là 34.777.500 đồng;

- Vở kịch “Kẻ nói dối đa tình”, chấp nhận các khoản chi: thiết kế sân khấu, trợ lý đạo diễn, in tờ rơi quảng cáo, poster, thiết kế poster, hộp đèn quảng cáo ngoài nhà hát; tổng cộng là 32.473.988 đồng

- Tổng cộng: 233.951.568 đồng.

[11] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng đã thừa nhận để một vở kịch được biểu diễn trên sân khấu thì những công việc mà nguyên đơn bỏ chi phí ra để thực hiện là một thực tế có thật. Do đó, bị đơn đã có lỗi là tự ý đơn phương chấm dứt việc hợp tác nên phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn số tiền 233.951.568 đồng như án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[12] Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn cho rằng giả sử ông B có tuyên bố chấm dứt hợp tác thì căn cứ theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hậu quả giao dịch dân sự của người không có thẩm quyền đại diện xác lập thì nguyên đơn không có quyền yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại.

[13] Xét thấy, tại án sơ thẩm đã nhận định: Ngoài việc chủ trì các cuộc họp nêu trên, với tư cách là Phó Giám đốc Nhà hát, ông Quý B còn ký văn bản số 81/NHKTP ngày 20/10/2014 thông báo nguyên đơn trích nộp thêm 2% doanh thu kể từ ngày 01/10/2014; chủ động đứng tên đại diện Nhà hát trên bản thỏa

thuận hợp tác theo phương thức xã hội hóa và sửa đổi, bổ sung nội dung bản thỏa thuận trước khi giao cho nguyên đơn; ký duyệt đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn và sau đó ký quyết định số 45/QĐ-NHKTP ngày 03/11/2014 chấp thuận cho nguyên đơn thôi việc. Các quyết định trên dù được ông B đưa ra bằng lời nói hay bằng văn bản cũng đều nhân danh Nhà hát và diễn ra trong thời gian ông được ông Khánh H1 giao quyền điều hành Nhà hát. Mặt khác, sau ngày 01/11/2014, bị đơn cũng không có ý kiến yêu cầu nguyên đơn tiếp tục tổ chức biểu diễn tại Rạp CN và cũng không có phản đối gì đối với ý kiến của ông B trong các cuộc họp liên quan đến việc chấm dứt hợp tác này. Do đó, ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[14] Từ những nhận định nêu trên, cấp phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận; đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cấp phúc thẩm quyết định sửa một phần trong quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng hủy bỏ phần ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn miễn phí 52 suất diễn cho nguyên đơn; còn những phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm thì giữ nguyên.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận là 196.308.000 đồng, cụ thể nguyên đơn phải chịu án phí là 9.815.400 đồng; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 233.951.568 đồng, cụ thể bị đơn phải chịu án phí là 11.697.578 đồng.

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các bên không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các bên đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng khoản 3 Điều 289 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nguyên đơn kháng cáo về việc không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán chi phí đầu tư là 196.308.000 đồng;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc Tr;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nhà hát TP.

Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc Tr về việc yêu cầu Nhà hát TP thanh toán chi phí bù lỗ tiền diễn viên biểu diễn là 96.038.000

đồng và chi phí đầu tư kịch bản Tết 2015, vở kịch “Thuật hồi sinh” là 20.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc Tr:

Buộc Nhà hát TP thanh toán cho bà Phạm Thị Ngọc Tr một phần chi phí đầu tư cho các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Kẻ nói dối đa tình”, “A Ma Ma”, “Mắt âm dương”, “49 ngày yêu”, tổng cộng là 233.951.568 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc Tr về việc yêu cầu Nhà hát TP thanh toán phần chi phí đầu tư cho các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “Kẻ nói dối đa tình”, “A Ma Ma”, “Mắt âm dương”, “49 ngày yêu”, tổng cộng là 196.308.000 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Nhà hát TP:

- Tự nguyện chịu và không yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc Tr hoàn trả lệ phí cấp Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của các vở kịch “Chỉ có thể là yêu”, “Cặp đôi hoàn cảnh”, “A...ma...ma”, “Mắt âm dương”, “49 ngày yêu”. Trường hợp bà Tr có yêu cầu thì Nhà hát TP có trách nhiệm làm thủ tục chuyển cho cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đứng tên trên Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của các vở kịch trên.

5. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

6. Nhà hát TP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.697.578 đồng. Bà Phạm Thị Ngọc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.815.400 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.925.951 đồng theo Biên lai thu số 06899 ngày 18/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, TP. HCM nay bà Tr được hoàn lại số tiền chênh lệch là 3.110.551 đồng.

7. Hoàn lại cho bà Phạm Thị Ngọc Tr và Nhà hát TP số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà mỗi bên đã nộp là 300.000 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019895 ngày 26/7/2017 và số 0019932 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, TP. HCM.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ủ Thị Bạch Yến